TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **194**/2025/DS-PT
Ngày 19 tháng 5 năm 2025
(V/v tranh chấp hụi)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Lập**

Ông **Đặng Minh Trung**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Hứa Như Nguyện** – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau*** *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Thị Màu** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025 tại Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2025/TLPT-DS ngày 27/3/2025 về việc tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 24/02/2025 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2025/QĐ-PT ngày 14/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trương Thu L**, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Võ Trung T**, sinh năm 1962, và bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1964 (xin vắng mặt); Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông T1: Ông Nguyễn Toàn T2, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2025 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Bà Trần Như N là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Trương Thu L trình bày: Bà có tham gia hụi do ông T, bà Đ làm chủ nhưng đã đình hụi vào ngày 26/8/2016, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, tổng 40 chưng, mở ngày 26/3/2015 âm lịch, bà tham gia 2 chưng, góp hụi được 17 kỳ số tiền 17.000.000 đồng x 2 chưng = 34.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, tổng 43 chưng, mở ngày 26/3/2015 âm lịch, bà tham gia 1 chưng, góp hụi 17 kỳ tương ứng số tiền là 17.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng, tổng 38 chưng, mở ngày 15/9/2015 âm lịch, bà tham gia 1 chưng, góp hụi 12 kỳ x 2 chưng = 24.000.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu ông T, bà Đ phải trả cho bà tổng số tiền là 75.000.000 đồng. Tại phiên toà, bà L chỉ yêu cầu ông T, bà Đ phải trả cho bà số tiền vốn góp của các chưng hụi là 52.500.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Trung T trình bày: Nội dung kiện của bà L là không đúng.

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, tổng 40 chưng, mở ngày 26/3/2015, bà L tham gia 1 chưng, bỏ hốt hụi vào kỳ khui hụi thứ 18, ông T, bà Đ không giao hụi cho bà L còn nợ bà 1 kỳ, trừ hoa hồng 600.000 đồng còn lại số tiền 16.400.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, tổng 43 chưng, mở ngày 26/3/2015, bà L tham gia 2 chưng, chưng hụi này còn sống, bà L chưa bỏ hụi thì ông bà bị bể hụi ngày 26/8/2016, cụ thể bà L đóng hụi sống được bao nhiêu kỳ, số tiền bao nhiêu không nhớ.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng, tổng 38 chưng, mở ngày 15/9/2015, bà L tham gia 1 chưng, bỏ hốt hụi vào kỳ khui hụi thứ 12 thì ông T, bà Đ tuyên bố đình hụi, bà còn nợ bà L 12 kỳ số tiền là 24.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000 đồng còn lại 22.800.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng, tổng 36 chưng, mở ngày 15/9/2015, bà L tham gia 1 chưng, hốt hụi vào kỳ khui hụi thứ 7 hay thứ 8 không nhớ rõ, đóng hụi đến khi bể hụi là ngày 26/8/2016, bà L nợ lại 28 chưng hụi chết chưa đóng tương ứng số tiền 52.000.000 đồng nên bà Đ đối trừ lại tiền bà L số tiền này còn cụ thể từng dây hụi nợ trừ cấn bao nhiêu không nhớ vì thời gian quá lâu.

Khi vợ chồng ông bà bị bể hụi ngày 26/8/2016 thì vài ngày sau vợ chồng ông bà có họp hụi viên đến tất toán nợ, ông bà có ký nhận nợ cho từng người, còn bà L thì không đến tất toán nợ. Ngày 24/3/2017 bà Đ tính toán ghi chép trừ cấn nợ hụi của bà L số tiền là 15.000.000 đồng, sau đó bà L yêu cầu bắt cua con số tiền là 1.500.000 đồng, nay ông bà chỉ còn nợ bà L số tiền 13.500.000 đồng và đồng ý trả nợ cho bà L.

Quá trình giải quyết vụ án ông T và bà Đ trình bày: Trước đây bà L có kiện vợ chồng ông bà với tổng số tiền chốt nợ hụi là 65.000.000 đồng, vợ chồng bà không có ở địa phương nên Toà án xét xử vắng mặt. Sau khi xử xong nay bản án đã đến giai đoạn Thi hành án thì vợ chồng bà cũng trả nợ theo bản án của Toà án. Nay ông bà xác định đã trả nợ xong, không còn nợ bà L nên không đồng ý theo yêu cầu của bà L.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu L. Buộc ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Trương Thu L tổng số tiền hụi là 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu trăm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/3/2025, bà Đ kháng cáo yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà L và bà Đ vắng mặt.Ông T2 và người bảo vệ quyền lợi cho ông T cho rằng khi bể hụi bà Đ ông T có thông báo cho các hụi viên đến để chốt nợ, bà L không có giấy tờ chốt nợ, mặt khác năm 2018 bà L có kiện bà Đ đòi nợ hụi, Tòa án đã xử xong, tại phiên tòa ông T cung cấp một số xác nhận của một số tay em về việc chốt nợ, nên kiến nghị HĐXX bác đơn khởi kiện của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, bà Đ kháng cáo nhưng không có căn cứ vì không có chứng cứ thể hiện đã thanh toán xong, đối với khoản nợ của bản án sơ thẩm năm 2018 là khoản nợ khác, nên kiến nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 24/02/2025 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, không chấp nhận kháng cáo của bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo được bà Đ thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, HĐXX sẽ xem xét kháng cáo của bà theo quy định. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi nên cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L và bà Đ được triệu tập hợp lệ nhưng đều xin vắng mặt, nên Tòa xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bà Đ: Kháng cáo bà Đ cho rằng năm 2016 khi bà bể hụi bà có thông báo cho tất cả tay em nếu bà Đ còn nợ tay em nào thì bà Đ làm giấy chốt nợ cho người đó, còn những ai thanh toán xong thì không làm giấy chốt nợ, trong đó có bà L. Tuy nhiên bà không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài lời trình bày này để chứng minh cho việc đã thanh toán xong nợ cho bà L, ngược lại bà L không thừa nhận việc hai bên đã thanh toán xong nợ, mặt khác việc thanh toán nợ của bà Đ ông T theo bản án số 78/2018/DS-ST ngày 02/10/2018 của Tòa án huyện Đ là thanh toán của khoản hụi khác không liên quan đến các dây hụi đang tranh chấp. Đối với các xác nhận của các tay em chơi hụi mà ông T2 cung cấp là xác nhận của các tay em chơi hụi đối với giao dịch hụi của họ với bị đơn không liên quan đến nguyên đơn, do đó lời trình bày của bà Đ là không có cơ sở. Nên kháng cáo của bà không được chấp nhận, HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kiến nghị không chấp kháng cáo của bà Đ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Án phí phúc thẩm bà Đ được miễn nộp theo quy định tại điều 148 Bộ luật TTDS.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố Tung Dân Sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2025/DS-ST ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. *Tuyên Xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thu L. Buộc ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Trương Thu L số tiền hụi là 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu trăm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông T và bà Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: ông Võ Trung T và bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp. Bà Trương Thu L không phải chịu, ngày 15/10/2024 bà L đã nộp tạm ứng số tiền 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001951 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được hoàn trả lại.
- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ được miễn nộp.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế